

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2019/DS-ST**
Ngày 08-11-2019
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Quốc V, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn N (tên gọi khác: Phạm Nghị E) (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lâm Quốc V trình bày:

Ông Phạm Văn N (tên gọi khác: Phạm Nghị E) có tham gia một số dây hụi do ông làm chủ nhưng sau khi hết hụi thì ông N không đóng lại hụi chết cho ông, cụ thể như sau:

1. Dây hụi mở ngày 15/11/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 20 phần, ông N tham gia 02 phần.

- Phần thứ nhất: Ông N kêu giá 280.000 đồng hót được số tiền là 14.700.000 đồng vào kỳ khui hụi lần thứ chín (tháng 7/2018 âm lịch).

- Phần thứ hai: Ông N kê giá 205.000 đồng hốt được số tiền là 15.450.000 đồng vào kỳ khai hội lần thứ mười (tháng 8/2018 âm lịch).

Sau khi hốt hội hết 02 phần hội, ông N đóng lại hội chết từ tháng 8 đến hết tháng 12/2018 âm lịch là 05 tháng bằng 10.000.000 đồng. Từ tháng 01 đến tháng 5/2019 âm lịch, ông N không đóng hội chết nên ông phải đóng thay cho ông N là 05 tháng bằng 10.000.000 đồng.

2. Dây hội mở ngày 20/3/2018 âm lịch (Dây 1), loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, tổng số 20 phần, ông N tham gia 02 phần.

- Phần thứ nhất: Ông N kê giá 310.000 đồng hốt được số tiền là 11.920.000 đồng vào kỳ khai hội đầu tiên.

- Phần thứ hai: Ông N kê giá 200.000 đồng hốt được số tiền là 13.900.000 đồng vào kỳ khai hội lần thứ hai (tháng 4/2018 âm lịch).

Sau khi hốt hội hết 02 phần hội, ông N đóng lại hội chết từ tháng 5 đến hết tháng 12/2018 âm lịch là 08 tháng bằng 16.000.000 đồng. Từ tháng 01 đến tháng 5/2019 âm lịch, ông N không đóng hội chết nên ông phải đóng thay cho ông N là 05 tháng bằng 10.000.000 đồng.

3. Dây hội mở ngày 20/3/2018 âm lịch (Dây 2), loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, tổng số 21 phần, ông N tham gia 02 phần.

- Phần thứ nhất: Ông N kê giá 200.000 đồng hốt được số tiền là 14.900.000 đồng vào kỳ khai hội lần thứ hai (tháng 4/2018 âm lịch). Sau khi hốt hội, ông N đóng lại hội chết từ tháng 5 đến hết tháng 12/2018 âm lịch là 08 tháng bằng 8.000.000 đồng. Từ tháng 01 đến tháng 5/2019 âm lịch, ông N không đóng hội chết nên ông phải đóng thay cho ông N là 05 tháng bằng 5.000.000 đồng.

- Phần thứ hai: Ông N kê giá 380.000 đồng hốt được số tiền là 13.940.000 đồng vào kỳ khai hội lần thứ chín (tháng 11/2018 âm lịch). Sau khi hốt hội, ông N đóng lại hội chết của tháng 12/2018 âm lịch là 1.000.000 đồng. Từ tháng 01 đến tháng 5/2019 âm lịch, ông N không đóng hội chết nên ông phải đóng thay cho ông N là 05 tháng bằng 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông đóng thay cho ông N trong dây hội này là 10.000.000 đồng.

Quá trình tham gia, các lần ông N hốt hội ông đều giao tiền đầy đủ, ông N có ký nhận trong danh sách hội. Do số tiền mà ông đóng thay ông N quá nhiều, ông N cũng hứa hẹn nhưng cố tình né tránh không đóng hội nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả lại cho ông số tiền hội chết là 30.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Phạm Văn N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quốc V, buộc ông Phạm Văn N trả cho ông Lâm Quốc V số tiền 30.000.000 đồng, áp dụng 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông N phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quốc V thấy rằng:

Ông Phạm Văn N tham gia 03 dây hội do ông Lâm Quốc V làm chủ, mỗi dây đều tham gia 02 phần, đều đã hết xong. Sau khi hết, ông N đóng lại hội chết đến tháng 12/2018 âm lịch, sau đó không đóng nữa. Ông V nhiều lần yêu cầu ông N trả tiền nhưng ông N không thực hiện mà bỏ đi khỏi địa phương. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu đòi với số tiền hội chết từ tháng 01 đến tháng 5/2019 âm lịch.

Xét thấy việc ông V tổ chức hội có lập thành văn bản có tên là “Qui ước sổ hùn vốn” thể hiện rõ các thành viên và phương thức tham gia, phù hợp với quy định pháp luật nên các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, hội, biên, phường quy định thành viên tham gia hội có nghĩa vụ phải đóng đủ các phần theo thỏa thuận. Tại các “Qui ước sổ hùn vốn” đều có tên và chữ ký của ông N. Việc ông N tham gia hội của ông V được một số thành viên tham gia các dây hội xác nhận tại các biên bản ghi lời khai của các ông bà: Phạm Văn Cảnh, Phạm Thị Nên, Nguyễn Văn Tiền, Lâm Văn Huynh, Trần Phương Hải (bút lục từ 52 đến 56).

Tại thời điểm ông V khởi kiện thì các dây hội mà ông N tham gia đều chưa mãn, do ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hội của hội viên nên ông V yêu cầu ông N phải trả lại cho ông số tiền hội mà ông với vai trò chủ hội đã đóng thay ông N. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ

ông N nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông N đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia hội nên phải chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP là phải trả lại cho ông V số tiền tương ứng với các phân hội mà ông V đã đóng thay cho ông N với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Từ những phân tích, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông V được Tòa án chấp nhận cụ thể: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quốc V. Buộc ông Phạm Văn N (tên gọi khác: Phạm Nghị E) có nghĩa vụ trả ông Lâm Quốc V số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Ông Phạm Văn N (tên gọi khác: Phạm Nghị E) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Ông Lâm Quốc V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004447 ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Lâm Quốc V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý